|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  Số: /2025/TT-BGDĐT | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |

**DỰ THẢO**

**THÔNG TƯ**

**Quy định về phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn trong lĩnh vực nhà giáo**

**và cán bộ quản lý giáo dục được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo khi tổ chức**

**chính quyền địa phương hai cấp**

*Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế;*

*Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định về phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn trong lĩnh vực nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo khi tổ chức chính quyền địa phương hai cấp.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này quy định về phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn trong lĩnh vực nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo khi tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, bao gồm: cấp tỉnh (tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) và cấp xã (xã, phường, thị trấn).

2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan hành chính nhà nước ở trung ương, chính quyền địa phương và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong lĩnh vực giáo dục.

**Điều 2. Nguyên tắc phân cấp**

1. Bảo đảm phù hợp với quy định của Hiến pháp; phù hợp với các nguyên tắc, quy định về phân quyền, phân cấp của Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

2. Bảo đảm phân cấp triệt để các nhiệm vụ giữa cơ quan nhà nước ở trung ương với chính quyền địa phương; phát huy tính chủ động, sáng tạo, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

3. Thực hiện phân cấp bảo đảm đồng bộ, tổng thể, liên thông, không bỏ sót hoặc chồng lấn, giao thoa nhiệm vụ; bảo đảm cơ sở pháp lý cho hoạt động bình thường, liên tục, thông suốt của các cơ quan.

4. Nguồn lực thực hiện nhiệm vụ được phân cấp do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định.

**Chương II**

**PHÂN CẤP NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CHO CHÍNH QUYỀN**

**ĐỊA PHƯƠNG CẤP XÃ VÀ CẤP TỈNH TRONG LĨNH VỰC NHÀ GIÁO VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ GIÁO DỤC**

**Điều 3. Đánh giá đánh giá hiệu trưởng trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp cao nhất là trung học cơ sở, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông dân tộc nội trú cấp huyện (cơ sở giáo dục phổ thông); lựa chọn và phê duyệt danh sách cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông cốt cán**

Thẩm quyền đánh giá đánh giá hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông; lựa chọn và phê duyệt danh sách cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông cốt cán quy định tại điểm a khoản 2 Điều 11; điểm a, b khoản 2 Điều 12 Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ban hành quy định Chuẩn Hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

**Điều 4. Tổ chức thực hiện quy định Chuẩn Hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông.**

Thẩm quyền tổ chức thực hiện quy định Chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông quy định tại Điều 15 Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định Chuẩn Hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

**Điều 5. Lựa chọn, phê duyệt giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông cốt cán và thực hiện chế độ báo cáo; tổ chức thực hiện quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông**

1. Thẩm quyền lựa chọn, phê duyệt giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông cốt cán và thực hiện chế độ báo cáo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông (sau đây gọi là Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

2. Thẩm quyền tổ chức thực hiện quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông quy định tại Điều 15 Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

**Điều 6. Đánh giá Hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non; tổ chức thực hiện quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non; xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non**

1. Thẩm quyền đánh giá Hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non quy định tại điểm a khoản 2 Điều 11 Thông tư số 25/2018/TT-BGDĐT ban hành quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non (sau đây gọi là Thông tư số 25/2018/TT-BGDĐT) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

2. Thẩm quyền tổ chức thực hiện quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non; Xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non quy định tại Điều 15 Thông tư số 25/2018/TT-BGDĐT do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện

**Điều 7. Lựa chọn giáo viên mầm non cốt cán; tổ chức thực hiện Quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giáo viên mầm non**

1. Thẩm quyền lựa chọn giáo viên mầm non cốt cán quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non (sau đây gọi là Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

2. Thẩm quyền tổ chức thực hiện quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non quy định tại Điều 15 Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện

**Điều 8.  Kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên được xây dựng theo năm học**

1. Trách nhiệm xây dựng kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên theo năm học tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 19/2019/TT-BGDĐT ngày 11/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên (sau đây gọi là Thông tư số 19/2019/TT-BGDĐT) do giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên; Ủy ban nhân dân cấp xã và Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện.

2. Trách nhiệm xây dựng kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên quy định tại điểm c khoản 2 Điều 8 Thông tư số 19/2019/TT-BGDĐT do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

**Điều 9.  Cơ quan chịu sự chỉ đạo, kiểm tra công tác bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên.**

Cơ quan chịu sự chỉ đạo, kiểm tra công tác bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên của Sở Giáo dục và Đào tạo quy định tại khoản 2 Điều 15 Thông tư số 19/2019/TT-BGDĐT là Ủy ban nhân dân cấp xã.

**Điều 10. Tổ chức thực hiện công tác bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên.**

1. Thẩm quyền tổ chức thực hiện công tác bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên quy định tại khoản 1, 2 Điều 16 Thông tư số 19/2019/TT-BGDĐT do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

2. Thẩm quyền tổ chức thực hiện công tác dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên quy định tại khoản 3 Điều 16 Thông tư số 19/2019/TT-BGDĐT do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

**Điều 11. Quản lý trực tiếp và kiểm duyệt kết quả công việc của Hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non công lập**

Thẩm quyền quản lý trực tiếp và kiểm duyệt kết quả công việc của Hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non công lập quy định tại cột thứ nhất của Bản mô tả vị trí việc làm hiệu trưởng tại điểm 3.1 khoản 3 Mục I Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập (sau đây gọi là Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT) do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

**Điều 12. Trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục mầm non đối với Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng cơ sở giáo mầm non công lập.**

1. Trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục mầm non quy định tại dòng thứ 3 cột thứ nhất của Hướng dẫn mô tả vị trí việc làm đối với Hiệu trưởng tại điểm 3.2 khoản 3 Mục I Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

2. Trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục mầm non quy định tại dòng thứ 3 cột thứ nhất của Hướng dẫn mô tả vị trí việc làm đối với Phó hiệu trưởng tại điểm 3.2 khoản 3 Mục I Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

**Điều 13. Trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục mầm non đối với giáo viên, viên chức cơ sở giáo mầm non công lập**

1. Trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục mầm non quy định tại dòng thứ 3 cột thứ nhất của Hướng dẫn mô tả vị trí việc làm Giáo viên mầm non hạng I tại điểm 3.2 khoản 3 Mục I Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

2. Trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục mầm non quy định tại dòng thứ 3 cột thứ nhất của Hướng dẫn mô tả vị trí việc làm Giáo viên mầm non hạng II tại điểm 3.2 khoản 3 Mục I Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

3. Trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục mầm non quy định tại dòng thứ 3 cột thứ nhất của Hướng dẫn mô tả vị trí việc làm Giáo viên mầm non hạng III tại điểm 3.2 khoản 3 Mục I Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

4. Trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục mầm non nói chung, giáo dục trẻ em là người khuyết tật nói riêng quy định tại dòng thứ 3 cột thứ nhất của Hướng dẫn mô tả vị trí việc làm viên chức hỗ trợ giáo dục người khuyết tật tại điểm 3.2 khoản 3 Mục I Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

**Điều 14. Trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông** **đối với Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập**

1. Trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông quy định tại dòng thứ 3 cột thứ nhất của Hướng dẫn mô tả vị trí việc làm đối với Hiệu trưởng tại điểm 3.2 khoản 3 Mục I Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập (Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐ) do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

2. Trách nhiệm quản lý nhà nước đối với giáo dục phổ thông quy định tại dòng thứ 3 cột thứ nhất của Hướng dẫn mô tả vị trí việc làm đối với Phó hiệu trưởng tại điểm 3.2 khoản 3 Mục II Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

**Điều 15. Trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông** **đối với giáo viên, viên chức, người lao động tại cơ sở giáo dục tiểu học**

1. Trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục tiểu học quy định tại dòng thứ 3 cột thứ nhất của Hướng dẫn mô tả vị trí việc làm giáo viên tiểu học hạng I tại điểm 3.2 khoản 3 Mục I Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

2. Trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục tiểu học quy định tại dòng thứ 3 cột thứ nhất của Hướng dẫn mô tả vị trí việc làm giáo viên tiểu học hạng II tại điểm 3.2 khoản 3 Mục II Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

3. Trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục tiểu học quy định tại dòng thứ 3 cột thứ nhất của Hướng dẫn mô tả vị trí việc làm giáo viên tiểu học hạng III tại điểm 3.2 khoản 3 Mục III Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

4. Trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục tiểu học quy định tại dòng thứ 3 cột thứ nhất của Hướng dẫn mô tả vị trí việc làm giáo vụ tại điểm 3.2 khoản 3 Mục IV Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

5. Trách nhiệm quản lý nhà nước đối với giáo dục tiểu học quy định tại dòng thứ 3 cột thứ nhất của Hướng dẫn mô tả vị trí việc tư vấn học sinh tại điểm 3.2 khoản 3 Mục V Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

6. Trách nhiệm quản lý nhà nước đối với giáo dục tiểu học nói chung, giáo dục học sinh là người khuyết tật nói riêng quy định tại dòng thứ 3 cột thứ nhất của Hướng dẫn mô tả vị trí việc làm viên chức hỗ trợ giáo dục người khuyết tật tại điểm 3.2 khoản 3 Mục VI Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

**Điều 16. Trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông** **đối với giáo viên, viên chức, người lao động tại trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp cao nhất là trung học cơ sở và các trường chuyên biệt công lập (sau đây gọi chung là trung học cơ sở)**

1. Trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục trung học cơ sở quy định tại dòng thứ 3 cột thứ nhất của Hướng dẫn mô tả vị trí việc làm giáo viên trung học cơ sở hạng I tại điểm 3.2 khoản 3 Mục I Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

2. Trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục trung học cơ sở quy định tại dòng thứ 3 cột thứ nhất của Hướng dẫn mô tả vị trí việc làm giáo viên trung học cơ sở hạng II tại điểm 3.2 khoản 3 Mục II Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

3. Trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục trung học cơ sở quy định tại dòng thứ 3 cột thứ nhất của Hướng dẫn mô tả vị trí việc làm giáo viên trung học cơ sở hạng III tại điểm 3.2 khoản 3 Mục III Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

4. Trách nhiệm quản lý nhà nước đối với giáo dục trung học cơ sở quy định tại dòng thứ 3 cột thứ nhất của Hướng dẫn mô tả vị trí việc làm thiết bị, thí nghiệm tại điểm 3.2 khoản 3 Mục IV Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

5. Trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục trung học cơ sở quy định tại dòng thứ 3 cột thứ nhất của Hướng dẫn mô tả vị trí việc làm giáo vụ tại điểm 3.2 khoản 3 Mục V Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

6. Trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục trung học cơ sở quy định tại dòng thứ 3 cột thứ nhất của Hướng dẫn mô tả vị trí việc làm tư vấn học sinh tại điểm 3.2 khoản 3 Mục VI Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

7. Trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục trung học cơ sở nói chung, giáo dục học sinh là người khuyết tật nói riêng quy định tại dòng thứ 3 cột thứ nhất của Hướng dẫn mô tả vị trí việc làm viên chức hỗ trợ giáo dục người khuyết tật tại điểm 3.2 khoản 3 Mục VII Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

**Điều 17. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ, điểm, khoản, điều trong một số văn bản quy phạm pháp luật của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo**

1. Tại Thông tư số 22/2019/TT-BGDĐT ngày 20/02/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về Hội thi giáo viên dạy giỏi cơ sở giáo dục mầm non, giáo viên dạy giỏi cơ sở giáo dục phổ thông

Thay thế cụm từ: “phòng giáo dục và đào tạo” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã”; cụm từ “cấp huyện” bằng cụm từ “cấp xã”; cụm từ “Trưởng phòng giáo dục và đào tạo” bằng cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã” tại Điều 3, 4, khoản 2 Điều 5, khoản 2 Điều 6, khoản 2 Điều 7, khoản 2 Điều 8, khoản 1 Điều 9, Điều 10 và Điều 11.

2. Tại Thông tư số 52/2012/TT-BGDĐT ngày 19/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ hội thi giáo viên làm tổng phụ trách Đội thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh giỏi

a) Thay thế cụm từ “phòng giáo dục và đào tạo” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã”; cụm từ“cấp huyện” bằng cụm từ“cấp xã”; cụm từ“Trưởng phòng giáo dục và đào tạo” bằng cụm từ“Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã” tại Điều 8, khoản 1 Điều 11, khoản 1 Điều 13, điểm d khoản 1 Điều 14;

b) Bỏ cụm từ ‘‘phối hợp với hội đồng đội cấp huyện” tại Điều 8.

3. Tại Thông tư số 48/2011/TT-BGDĐT ngày 25/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ làm việc đối với giáo viên mầm non

Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã”, cụm từ “Phòng Giáo dục và Đào tạo” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã” tại Điều 6 và Điều 7 .

4. Tại Thông tư số 05/2025/TT-BGDĐT ngày 07/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông, dự bị đại học

Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã”, cụm từ “Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo” bằng cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã” tại khoản 1 Điều 14 và khoản 5 Điều 15 .

5. Tại Thông tư số 19/2019/TT-BGDĐT

Thay thế cụm từ “phòng giáo dục và đào tạo” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã” tại khoản 2 Điều 3, điểm b, d khoản 3 Điều 8, khoản 1, 2 Điều 13.

6. Tại Thông tư số 24/2020/TT-BGDĐT ngày 25/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định việc sử dụng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở chưa đáp ứng trình độ chuẩn được đào tạo

Thay thế cụm từ “phòng giáo dục và đào tạo” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã”, cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã” tại khoản 1 Điều 5, tên Điều 6.

7. Tại Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT và Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT

Thay thế cụm từ “giấy khen từ cấp huyện trở lên” bằng cụm từ “giấy khen từ cấp xã trở lên”, cụm từ “giáo viên dạy giỏi từ cấp huyện trở lên” bằng cụm từ “giáo viên dạy giỏi từ cấp xã trở lên” tại các Phụ lục.

8. Tại Thông tư số 24/2020/TT-BGDĐT ngày 25/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định việc sử dụng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở chưa đáp ứng trình độ chuẩn được đào tạo

a) Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã” tại Điều 5, 6.

b) Bỏ cụm từ “Phòng Nội vụ” và cụm từ “Phòng Giáo dục và Đào tạo” tại Điều 5, 6.

**Chương III**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 18. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Thông tư này hết hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027 trừ các trường hợp Luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ có quy định về thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước quy định tại Thông tư này thông qua hoặc ban hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025, có hiệu lực trước ngày 01 tháng 3 năm 2027 và quy định tương ứng trong Thông tư này hết hiệu lực tại thời điểm các văn bản quy phạm pháp luật đó có hiệu lực.

**Điều 19. Trách nhiệm thi hành**

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Cục trưởng Cục Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Thủ tướng Chính phủ; - Các Phó Thủ tướng Chính phủ; - Văn phòng Quốc hội; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Văn phòng Chính phủ;  - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao; - Toà án Nhân dân tối cao; - Các Thứ trưởng Bộ GDĐT;  - Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp); - UBND, Sở GDĐT các tỉnh, TP trực thuộc TW; - Công báo Chính phủ; Cổng thông tin điện tử CP;  Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản quy phạm pháp luật; - Các đơn vị thuộc Bộ GDĐT, Cổng TTĐT Bộ GDĐT;  - Lưu VT, Vụ PC. | | **BỘ TRƯỞNG**  **Nguyễn Kim Sơn** |
|  |